

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**Số: 155 /KH-UBND**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Thái Nguyên, ngày 18 tháng 6 năm 2025**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết
số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là *Nghị quyết số 57-NQ/TW*); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là *Nghị quyết số 71/NQ-CP*); Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là *Nghị quyết số 193/2025/QH15*); Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 23/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là *Chương trình hành động số 62-CTr/TU*); Kế hoạch hành động số 261-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là *Kế hoạch số 261-KH/TU*); Kế hoạch số 263-KH/TU ngày 03/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo có thời hạn hoàn thành trong tháng 6/2025 và 6 tháng cuối năm 2025 (sau đây gọi là *Kế hoạch số 263-KH/TU*); sau khi xem xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 74/TTr-KHCN ngày 06/6/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15; Chương trình hành động số 62-CTr/TU; Kế hoạch hành động số 261-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành, nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 57-KL/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15; Chương trình hành động số 62-CTr/TU và Kế hoạch hành động số 261-KH/TU.

- Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Xác định các mục tiêu cụ thể theo giai đoạn (năm 2025, đến năm 2030, 2035, 2040, 2045), đảm bảo cụ thể hoá và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (*chi tiết Danh mục các chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I*).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hiện thực hoá các mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển bứt phá, giàu mạnh (*chi tiết Danh mục nhiệm vụ tại Phụ lục II*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71-NQ/CP; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Chương trình hành động số 62-CTr/TU và Kế hoạch hành động số 261-KH/TU theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác phù hợp với từng đối tượng, tầng lớp Nhân dân để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và toàn thể Nhân dân về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

- Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

- Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Hằng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

- Rà soát, sửa đổi, cụ thể hóa các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến

nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất. Tổ chức triển khai có hiệu quả Cuộc thi “Đổi mới sáng tạo - vì Thái Nguyên thân yêu” và các phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa chính sách thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026-2030, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định tại khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

- Xây dựng, ban hành quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, tăng cường thực hiện khoán chi trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

- Rà soát, sửa đổi quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức thực hiện cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

- Nghiên cứu xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công-tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

- Nghiên cứu, thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước (sau khi có văn bản hướng dẫn cụ thể của các cơ quan Trung ương) để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

- Xây dựng danh mục các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược của Quốc gia; thực hiện phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; phát triển các hệ thống trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm, tập trung cho công nghệ chiến lược; đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm trong hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh, của ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Xây dựng, triển khai Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

- Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh (*sau khi được thành lập và đưa vào hoạt động*) theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,....

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

- Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục tập trung triển khai các nội dung nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII¹; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

¹ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

- Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Đại học Thái nguyên triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

- Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

- Nghiên cứu, đề xuất nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Triển khai, xây dựng, phát triển Chính quyền số theo nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Chương trình phát triển Chính phủ số (*sau khi được ban hành*) với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của hệ thống chính trị.

- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh và (duy trì) đầu tư, nâng cấp Trung tâm Dữ liệu của tỉnh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu, tăng tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cắt giảm đơn giản hoá tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng/triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của các cơ quan trung ương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số.

- Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

- Xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

- Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Phát triển các hệ thống kỹ thuật có năng lực giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả.

- Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành; triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong nước vươn ra toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thực hiện cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.

- Khuyến khích, phát huy tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục để thành lập và đưa vào khai thác hoạt động Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo quy định.

- Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số.

- Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, logistics, du lịch,...

- Trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các địa phương, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, rà soát, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./ *Tuan*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.

Thaidh/KH23.T6 *Đ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Thanh Bình



PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2025			
-	Phát triển hạ tầng			
1.	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh.	%	≥ 65	Sở Khoa học và Công nghệ
2.	Người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
3.	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.		Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh	Công an tỉnh
-	Phát triển nguồn lực			
4.	Tổng chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	%	$\geq 1,0$	Sở Tài chính
5.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	% GRDP	2	Sở Tài chính
6.	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
7.	Cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
8.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
9.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	80	Các sở, ban, ngành, địa phương
10.	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát	Người/01 vạn	>13	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	dân		
-	Phát triển khoa học, công nghệ			
11.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.	Doanh nghiệp	≥ 15	Sở Khoa học và Công nghệ
12.	Có tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh.	Tổ chức	≥ 01	Sở Khoa học và Công nghệ
13.	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	Công trình	≥ 28	Sở Khoa học và Công nghệ
14.	Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.	Người	≥ 1700	Sở Khoa học và Công nghệ
15.	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai.	Nhiệm vụ	≥ 35	Sở Khoa học và Công nghệ
16.	Kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	%	≥ 55	Sở Khoa học và Công nghệ
17.	Có đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).	đơn đăng ký	≥ 05	Sở Khoa học và Công nghệ
18.	Phần đầu có doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
19.	Có bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).	bài báo	≥ 350	Sở Khoa học và Công nghệ
20.	Có công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.	Công trình	≥ 1	Sở Khoa học và Công nghệ
21.	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
22.	Có doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	doanh nghiệp	≥ 15	Sở Khoa học và Công nghệ
23.	Có doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	doanh nghiệp	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
24.	Có vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	Đơn vị	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
25.	Phần đầu doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và tham gia thương mại điện tử	%	≥ 15	Sở Công Thương
26.	Có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.	sản phẩm	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ
27.	Có dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	dự án	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
28.	Có sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.	sáng chế/giải pháp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
29.	Có bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.	bài báo	≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ
30.	Phần đầu có doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	%	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
31.	Có sáng kiến trong tỉnh được công nhận.	sáng kiến	≥ 33	Sở Khoa học và Công nghệ
32.	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu văn hóa trà Thái Nguyên trên nền tảng số,	Sản phẩm	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Phát triển chuyển đổi số			
33.	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh.		$\geq 0,70$	Sở Khoa học và Công nghệ
34.	Có thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	%	≥ 90	Văn phòng UBND tỉnh
35.	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	%	100	Các sở, ban, ngành
36.	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	≥ 70	Các sở, ban, ngành, địa phương
37.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 98	Các sở, ban, ngành, địa phương
38.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành	%	≥ 100	Các sở, ban, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	chính có đủ điều kiện.			
39.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	≥ 92	Các sở, ban, ngành, địa phương
40.	Hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	%	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
41.	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	%	≥ 55	Sở Khoa học và Công nghệ
42.	Dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	%	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
43.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	%	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
44.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	≥ 97	Công an tỉnh
45.	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
46.	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.		Xây dựng báo cáo chỉ số thương mại điện tử hàng năm	Sở Công Thương
47.	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu.	% GRDP	≥ 40	Chi cục Thống kê
II Đến hết năm 2030				
-	<i>Phát triển hạ tầng</i>			
48.	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
49.	Người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	với tốc độ trên 01 Gb/s			
-	Phát triển nguồn lực			
50.	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	$\geq 1,5$	Sở Tài chính
51.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt	%GRDP	3	Sở Tài chính
52.	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
53.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
54.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	100	Sở, ban, ngành, địa phương
55.	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người/01 vạn dân	15	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển khoa học, công nghệ			
56.	Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	≥ 1.800	Sở Khoa học và Công nghệ
57.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Doanh nghiệp	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
58.	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 02	Sở Khoa học và Công nghệ
59.	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm	Công trình	≥ 45	Sở Khoa học và Công nghệ
60.	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	Nhiệm vụ	≥ 55	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
61.	Kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
62.	Đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm	Đơn đăng ký	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
63.	Phần đầu doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	%	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
64.	Mỗi năm có bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Bài báo	≥ 350	Sở Khoa học và Công nghệ
65.	Mỗi năm có công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Công trình	≥ 03	Sở Khoa học và Công nghệ
66.	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; du lịch thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
67.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
68.	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ
69.	Vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm/trung tâm	≥ 7	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
70.	Phần đầu doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và tham gia thương mại điện tử	%	≥ 30	Sở Công Thương
71.	Sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	Sản phẩm	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
72.	Dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
73.	Sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	Sáng chế/giải pháp	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ
74.	Bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	Bài báo	≥ 300	Sở Khoa học và Công nghệ
75.	Phần đầu doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	%	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ
76.	Sáng kiến trong tỉnh được công nhận mỗi năm	Sáng kiến	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
77.	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu văn hóa trà Thái Nguyên trên nền tảng số	Sản phẩm	100%	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
-	Phát triển chuyển đổi số			
78.	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		$\geq 0,8$	Sở Khoa học và Công nghệ
79.	Thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
80.	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản	%	100	Các Sở, ban, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến			
81.	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	100	Các Sở, ban, ngành, địa phương
82.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Các Sở, ban, ngành, địa phương
83.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Các Sở, ban, ngành, địa phương
84.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 95	Các Sở, ban, ngành, địa phương
85.	Hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
86.	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông tới Trung ương	%	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ
87.	Dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
88.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
89.	Số hoá di tích cấp tỉnh	%	≥ 50	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
90.	Số hoá di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục kiểm kê	%	≥ 50	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
91.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	≥ 98	Công an tỉnh
92.	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	$\geq 10\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
93.	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
94.	Quy mô kinh tế số đạt	%GRDP	40	Chi cục Thống kê
95.	Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử		Xây dựng báo cáo chỉ số thương mại điện tử hàng năm	Sở Công Thương
96.	Thực hiện sản xuất tác phẩm nghệ thuật/điện ảnh kỹ thuật số gắn với di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên của tỉnh.	Tác phẩm	07	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
97.	Các cơ quan báo chí, thông tin, truyền thông đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước)	Các cơ quan báo chí, truyền thông	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
III	Mục tiêu đến hết năm 2035			
-	<i>Phát triển hạ tầng</i>			
98.	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn tỉnh	%	50	Sở Khoa học và Công nghệ
-	<i>Phát triển nguồn lực</i>			
99.	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;	%	≥ 2	Sở Tài chính
100.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt	%GRDP	3	Sở Tài chính
101.	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
102.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
103.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	100	Các Sở, ban, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
104.	Người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người	20	Sở Khoa học và Công nghệ
-	<i>Phát triển khoa học, công nghệ</i>			
105.	Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	≥ 2.000	Sở Khoa học và Công nghệ
106.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Người	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ
107.	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 8	Sở Khoa học và Công nghệ
108.	Mỗi năm có công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu	Công trình	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
109.	Mỗi năm có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai	Nhiệm vụ	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
110.	Kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu	%	≥ 75	Sở Khoa học và Công nghệ
111.	Mỗi năm có đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
112.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
113.	Mỗi năm có bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Bài báo	≥ 400	Sở Khoa học và Công nghệ
114.	Mỗi năm có công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Công trình	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
115.	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.			
-	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
116.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ
117.	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 300	Sở Khoa học và Công nghệ
118.	Vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Đơn vị	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ
119.	Phần đầu doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và tham gia thương mại điện tử	%	≥ 50	Sở Công Thương
120.	Mỗi năm có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sản phẩm	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ
121.	Mỗi năm có dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Dự án	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
122.	Mỗi năm có sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Sáng chế	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
123.	Mỗi năm có bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Bài báo	≥ 700	Sở Khoa học và Công nghệ
124.	Có doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
125.	Mỗi năm có sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sáng kiến	≥ 120	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển chuyển đổi số			
126.	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		$\geq 0,85$	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
127.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương
128.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	95	Các sở, ban, ngành, địa phương
129.	Hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
130.	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương
131.	Dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
132.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
133.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	≥ 98	Công an tỉnh
134.	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	20	Sở Khoa học và Công nghệ
135.	- Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như “bộ não số”, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền địa phương thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công. - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.	Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh		Sở Khoa học và Công nghệ
136.	Số hoá di tích cấp tỉnh	%	≥ 100	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
				lịch
137.	Số hoá di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục kiểm kê	%	≥ 100	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
138.	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
	Quy mô kinh tế số đạt	% GRDP	40	Chi cục Thống kê tỉnh
IV	Mục tiêu đến hết năm 2040			
-	Phát triển hạ tầng			
139.	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn tỉnh	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển nguồn lực			
140.	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	$\geq 2,5$	Sở Tài chính
141.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt	% GRDP	3	Sở Tài chính
142.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	100	Sở, ban, ngành, địa phương
143.	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người/01 vạn dân	33	Sở Khoa học và Công nghệ
144.	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.	Cụm chuyên gia	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ
145.	Dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	số,...)			
-	Phát triển khoa học, công nghệ			
146.	Có cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	≥ 2.000	Sở Khoa học và Công nghệ
147.	Có doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ
148.	Có tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
149.	Mỗi năm có công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu	Công trình	≥ 120	Sở Khoa học và Công nghệ
150.	Mỗi năm có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai	Nhiệm vụ	≥ 120	Sở Khoa học và Công nghệ
151.	Có kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 85	Sở Khoa học và Công nghệ
152.	Mỗi năm có đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn	≥ 120	Sở Khoa học và Công nghệ
153.	Có doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
154.	Mỗi năm có bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Bài báo	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ
155.	Mỗi năm có công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Công trình	≥ 08	Sở Khoa học và Công nghệ
156.	Phấn đấu có trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	Trung tâm	15 - 20	Sở Khoa học và Công nghệ
157.	Có trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo	Trung tâm	7 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	của tỉnh đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế			
158.	Có doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi	Doanh nghiệp	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ
159.	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
160.	Có doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ
161.	Có dự án khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm	Dự án	50 - 60	Sở Khoa học và Công nghệ
162.	Có vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm/trung tâm	≥ 18	Sở Khoa học và Công nghệ
163.	Phần đầu doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và tham gia thương mại điện tử	%	≥ 70	Sở Công Thương
164.	Có trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	Trung tâm	15 - 20	Sở Khoa học và Công nghệ
165.	Mỗi năm có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sản phẩm	≥ 300	Sở Khoa học và Công nghệ
166.	Mỗi năm có dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Dự án	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
167.	Mỗi năm có sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Sáng chế/giải pháp	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
168.	Mỗi năm có bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Bài báo	≥ 1200	Sở Khoa học và Công nghệ
169.	Có doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	với viện/trường			
170.	Mỗi năm có sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sáng kiến	≥ 180	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển chuyển đổi số			
171.	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		$\geq 0,92$	Sở Khoa học và Công nghệ
172.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương
173.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương
174.	Hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
175.	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
176.	Dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
177.	Có doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
178.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	100	Công an tỉnh
179.	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	30	Sở Khoa học và Công nghệ
180.	Các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số”, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.	Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
181.	Số hoá di tích cấp tỉnh	%	≥ 60	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
182.	Số hoá di sản văn hóa phi vật thể	%	≥ 30	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
183.	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
184.	Kinh tế số	%GRDP	45	Chi cục Thống kê
V	Mục tiêu đến hết năm 2045			
-	Phát triển hạ tầng			
185.	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển nguồn lực			
186.	Có tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	≥ 3	Sở Tài chính
187.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt	% GRDP	3	Sở Tài chính
188.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	100	Sở, ban, ngành, địa phương
189.	Dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
190.	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người	54	Sở Khoa học và Công nghệ
191.	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ	Cụm chuyên		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.	gia		
-	Phát triển khoa học, công nghệ			
192.	Có cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	≥ 3.000	Sở Khoa học và Công nghệ
193.	Có doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	≥ 400	Sở Khoa học và Công nghệ
194.	Có tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ
195.	Mỗi năm có công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu	Công trình	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ
196.	Mỗi năm có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai	Nhiệm vụ	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ
197.	Có kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	%	$\geq 95\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
198.	Mỗi năm có đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn	≥ 180	Sở Khoa học và Công nghệ
199.	Có doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
200.	Mỗi năm có bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Bài báo	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ
201.	Mỗi năm có công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.	Công trình	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
202.	Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.	Chuyên gia		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
-	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
203.	Có doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ
204.	Mỗi năm có dự án khởi nghiệp sáng tạo	Dự án	50 - 70	Sở Khoa học và Công nghệ
205.	Có vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm/ trung tâm	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ
206.	Phần đầu doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và tham gia thương mại điện tử	%	≥ 90	Sở Công Thương
207.	Mỗi năm có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sản phẩm	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ
208.	Mỗi năm dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Dự án	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ
209.	Mỗi năm có sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Sáng chế, giải pháp	≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ
210.	Mỗi năm có bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Bài báo	≥ 1800	Sở Khoa học và Công nghệ
211.	Có doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
212.	Mỗi năm có sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sáng kiến	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển chuyển đổi số			
213.	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		1,0	Sở Khoa học và Công nghệ
214.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương
215.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
216.	Hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
217.	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
218.	Dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
219.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
220.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	100	Công an tỉnh
221.	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	40	Sở Khoa học và Công nghệ
222.	Số hoá di tích cấp tỉnh	%	≥ 80	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
223.	Số hoá di sản văn hóa phi vật thể	%	≥ 40	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
224.	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
225.	Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo,	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.			
226.	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
227.	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.	Báo cáo		Các sở, ban, ngành, địa phương
228.	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.	Báo cáo		Các sở, ban, ngành, địa phương
229.	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
230.	Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ
231.	Kinh tế số đạt 50% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.	%	50	Chi cục Thống kê
232.	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.	Báo cáo		Sở Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

(Kèm theo Kế hoạch số ~~165~~ /KH-UBND ngày ~~23~~ / ~~6~~ /2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1.	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành và tổ chức triển khai thực hiện chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh	Chương trình	Tháng 7/2025
2.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình	Thường xuyên
3.	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Chương trình, kế hoạch	Thường xuyên
4.	Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản cấp có thẩm quyền	Tháng 7/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	của cơ quan, tổ chức.				
5.	Nghiên cứu xây dựng phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước gắn với việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số	Tháng 8/2025
6.	Nghiên cứu xây dựng phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước gắn với việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	Các Sở, ban, ngành, các địa phương	Sở Nội vụ	Phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số	Tháng 11/2025
7.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Kế hoạch công tác	Thường xuyên
8.	Phấn đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước.	Sở Nội vụ	các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định	Năm 2025 và thường xuyên
9.	Khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản Hướng dẫn thực hiện	Tháng 7/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
10.	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 12/2025
11.	Phát động phong trào thi đua trong tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến trong chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Tháng 01/2026
12.	Rà soát, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết của Chính phủ, bảo đảm đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/NQ-QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch được cập nhật, điều chỉnh	Tháng 04/2025
13.	Điều chỉnh trong dự toán ngân sách năm 2025 để bố trí ít nhất 3% ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên 2% GRDP trong 5 năm tiếp theo.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Tháng 05/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa chính sách thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
14.	Thực hiện thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành có liên quan	Mô hình thí điểm	Tháng 02/2026
15.	Rà soát các quy định pháp luật do địa phương ban hành để tham mưu tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất	Tháng 7/2025
16.	Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, số hoá quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; tái cấu trúc, đơn giản hoá quy trình thủ tục hành chính.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành có liên quan	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
17.	Hoàn thành số hoá quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hoá để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hoá quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành	Tháng 12/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				chính	
18.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hoá tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hoá quy trình	Năm 2025
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
19.	Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Mạng lưới kết nối	Năm 2030
20.	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Hằng năm
21.	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược.	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ngành, địa phương	Các Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
22.	Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
23.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
24.	Rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
25.	Xây dựng kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 02/2026
26.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được các cơ quan trung ương ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực, địa phương trên môi trường số.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các nền tảng số	Tháng 01/2029
27.	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 01/2026
28.	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch/văn bản triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 10/2025
29.	Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Hàng năm
30.	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 01/2026
31.	Triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng và phát triển đô thị thông minh đối với một số phường trên địa bàn tỉnh	UBND các phường có liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng		Tháng 01/2029

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
32.	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Ban quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên; Các địa phương có cụm công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, các doanh nghiệp viễn thông	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 9/2025
33.	Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm phủ sóng mạng di động băng thông rộng 5G trên toàn quốc gắn với việc đẩy mạnh triển khai internet vệ tinh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Cung cấp dịch vụ vệ tinh (Starlink) cho người dùng	Tháng 9/2025
34.	Hoàn thành tích hợp, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Cơ sở dữ liệu dùng chung	Năm 2026
35.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành kết nối	2025 - 2026
36.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành, địa phương	Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt giảm giấy tờ cho người	Tháng 07/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				dân, phục vụ công tác quản lý của cơ quan hành chính	
37.	Xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương	Kế hoạch được ban hành	Tháng 7/2025
38.	Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025 và công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Các sản phẩm, giải pháp được đánh giá, lựa chọn, công bố	Thường xuyên
39.	Tập trung đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hình thành các tổ chức nghiên cứu mạnh	Tháng 12/2026
40.	Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch: Phát triển công nghiệp văn hóa số; Xây dựng các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao trên đa nền tảng; Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành...	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Văn bản cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
IV.	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
41.	Xây dựng Kế hoạch phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 01/2026
42.	Rà soát, đảm bảo có chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
43.	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
44.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phối hợp các Trường đại học trên địa bàn tỉnh thúc đẩy đào tạo nhân lực cho lĩnh vực này và nghiên cứu triển khai mô hình kết hợp trường đại học, trung tâm nghiên cứu và các cơ sở sản xuất.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành liên quan; Đại học Thái Nguyên	Đề án được ban hành; Mô hình triển khai cụ thể	Tháng 05/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
45.	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 11 của năm trước
46.	Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Đảng, HĐND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 10/2025
47.	Xây dựng, ban hành và triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 07/2025
48.	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 07/2025
49.	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Năm 2025
50.	Thực hiện Chương trình cắt giảm đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 theo chỉ đạo của Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 07/2025
51.	Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai	Tháng 08/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.				
52.	Xây dựng/triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số theo hướng dẫn của các cơ quan trung ương.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quy chế	Tháng 03/2026
53.	Lập Kế hoạch và triển khai Kế hoạch số hóa di sản văn hóa năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Kế hoạch	Năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030
54.	Xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Các hệ thống, nền tảng số được triển khai	Năm 2026
55.	Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng theo quy định.	Sở Xây dựng		Kế hoạch	Năm 2025
56.	Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng	Tháng 01/2027
57.	Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ,	Sở Nội vụ, Đại học Thái Nguyên	Kế hoạch	Năm 2026
58.	Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
59.	Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hoá, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng.	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
60.	Xây dựng Kế hoạch phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Công an tỉnh		Kế hoạch	Năm 2025
61.	Tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng quy định đối với các nhiệm vụ do các cơ quan trung ương triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh (nếu có) phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm:				
	(1) Định danh tàu thuyền.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(2) Định danh địa điểm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(3) Xây dựng sàn giao dịch việc làm; Nền tảng hợp đồng lao động điện tử.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(4) Xây dựng sàn giao dịch bất động sản.	Sở Xây dựng	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(5) Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng.	Ngân hàng nhà nước khu vực V	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	(6) Xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh	Hoàn thành sàn TMĐT, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(7) Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(8) Phát triển kinh tế ban đêm.	Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(9) Mô hình du lịch thông minh ứng dụng các tiện ích của Đề án 06.	Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(10) Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.	Sở Tài chính	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Năm 2025
	(11) Hoàn thành 61 tiện ích trên VneID phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo và phòng chống tội phạm.	Công an tỉnh			Năm 2025
62.	Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế	Năm 2025
63.	Xây dựng giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại,	Sở Y tế		Giải pháp, công cụ	Năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin sổ sức khỏe trên VNelD trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.				
64.	Nghiên cứu, đề nghị các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có chế độ ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	Các cơ sở y tế và người bệnh có chữ ký số để tham gia các hoạt động khám chữa bệnh	Tháng 07/2025
65.	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử.	Công an tỉnh; Sở Tài chính; Chi cục Thuế khu vực VII; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Ngân hàng Nhà nước khu vực V; Sở Tài chính		Năm 2025 và những năm tiếp theo
66.	Các sở, ban, ngành, địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		Năm 2025 và những năm tiếp theo
67.	Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên, chính quyền số và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với hình tổ chức 3 cấp (trung ương, tỉnh, xã) theo phương án không tổ chức cấp huyện, việc số hoá dữ liệu phục vụ bàn giao nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện được ngay su khi kết thúc mô	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương	Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên được cập nhật phù hợp	Tháng 09/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	hình cấp huyện.				
68.	Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.	Sở Xây dựng		Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ xe trong đô thị	Tháng 03/2026
69.	Thúc đẩy, triển khai sử dụng mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 06/2026
70.	Xây dựng Kế hoạch Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 11/2026
71.	Xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 11/2026
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
72.	Tham mưu tổ chức các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh thúc đẩy chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch	Năm 2025
73.	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành.	Sở Khoa học và Công nghệ;	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí	Tháng 10/2025
74.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Các bài toán được công bố	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.			trên Cổng TTĐT của sở, ngành, địa phương	
75.	Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản cấp có thẩm quyền	Năm 2025
76.	Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Danh mục nhiệm vụ trọng điểm	Năm 2025
77.	Triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục để thành lập và đưa vào khai thác hoạt động Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương có liên quan; Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; UBND huyện Phú Bình, UBND thành phố Phổ Yên hoặc chính quyền cấp xã có liên quan	Khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	Từ năm 2025 và các năm tiếp theo
78.	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Bộ tiêu chí	Năm 2025
79.	Triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
80.	Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Các hoạt động cụ thể	Tháng 10/2027

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
81.	Thường xuyên rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.	Sở Tài chính; Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
VII.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
82.	Thúc đẩy nghiên cứu, chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Báo cáo	Năm 2025
83.	Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu tỉnh về đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Chương trình	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
84.	Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ		Các hoạt động hợp tác	Thường xuyên